

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC QUẢN LÝ NƯỚC MẶT RUỘNG THUỘC HỆ THỐNG THỦY LỢI SÔNG NHUỆ, SÔNG ĐÁY

Trần Việt Dũng, Nguyễn Duy Tiến

Trung tâm Tư vấn PIM

Trần Hưng

Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

Tóm tắt: Hiện nay, tổ chức thủy lợi cơ sở thuộc vùng hệ thống thủy lợi sông Nhuệ, sông Đáy đều là các Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN). Các HTX được thành lập từ lâu và cơ bản đã được chuyển đổi theo Luật HTX kiểu mới. Sau khi công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bàn giao cho Công ty quản lý, đến nay đã được phân cấp lại cho các tổ chức TLCS. Các tổ chức TLCS với nguồn thu hạn hẹp, không đủ chi, công trình hư hỏng, thủy nông viên thiếu động lực làm việc, tổ chức TLCS chưa thực sự hoạt động hiệu quả. Để đáp ứng tinh thần của Luật Thủy lợi, việc củng cố tổ chức TLCS cần có kế hoạch, lộ trình phù hợp nhằm nâng cao năng lực, nhận thức của các hộ sử dụng nước. Bài báo này, trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động của các tổ chức thủy lợi cơ sở, triển khai văn bản chính sách của địa phương để đề xuất giải pháp hoàn thiện tổ chức quản lý nước mặt ruộng thuộc hệ thống thủy lợi sông Nhuệ, sông Đáy

Từ khóa: Tổ chức thủy lợi cơ sở, Hợp tác xã, thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

Summary: Currently, grassroots irrigation organizations in Nhue, Day river are agricultural cooperative. Cooperatives were established a long time ago and have basically been transformed under the law of new cooperatives. After many years, small and in-field irrigation projects were handed over to the management company, but now they have been re-decentralized to grassroots irrigation organizations. With limited income, insufficient expenditures, damaged structures, lack of motivation for irrigation staffs to work, grassroots irrigation organizations have not really operated effectively. In order to meet the spirit of Law on hydraulic work, the strengthening of grassroots irrigation organization requires an appropriate plan and roadmap to improve the efficiency of irrigation management, capacity and awareness of water users. This article, on the basis of analyzing the actual operation of grassroots irrigation organizations, deploys local policy documents to propose solutions to improve the organization of surface water management in the irrigation system of Nhue, Day river.

Keywords: Grassroots irrigation organizations, cooperative, small irrigation, on-farm irrigation.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chính sách về quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng (TLNĐ) ở Trung ương và hướng dẫn triển khai thực hiện tại địa phương có ý nghĩa quan trọng tới sự phát triển của tổ chức quản lý nước mặt ruộng (gọi chung là tổ chức thủy lợi cơ sở (TLCS)). Luật Thủy lợi ban hành với nhiều nội dung liên quan đến thủy

lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, trong đó phương châm chủ đạo là người dùng nước tự lo kinh phí cho hệ thống thủy lợi nhỏ, hệ thống TLNĐ, Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho người sử dụng nước thông tổ chức TLCS quản lý khai thác thủy lợi nhỏ, TLNĐ. Theo Luật: i) tổ chức thủy lợi cơ sở thực hiện quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng bao gồm 2 loại

Ngày nhận bài: 08/12/2021

Ngày thông qua phản biện: 22/02/2022

Ngày duyệt đăng: 06/4/2022

hình: Hợp tác xã và tổ hợp tác; ii) toàn bộ người sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức TLCS.

Đa số các hệ thống thủy lợi lấy nước từ hệ thống sông lớn, hồ chứa nước để phục vụ tưới cho canh tác nông nghiệp, chất lượng nước cơ bản được đảm bảo. Đối với hệ thống sông Nhuệ, sông Đáy chất lượng nước, công tác quản lý vận hành hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng phục vụ cấp nước cho canh tác nông nghiệp luôn là một vấn đề quan tâm của các cấp chính quyền và người sử dụng nước bởi trên hệ thống có rất nhiều nguồn thải từ các khu công nghiệp, y tế, dân sinh, làng nghề.... Vì vậy, vấn đề quản lý nước mặt ruộng, cũng như các giải pháp quản lý nước mặt ruộng nhằm nâng cao công tác quản lý, kiểm soát chất lượng nước tưới là cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, phân tích thực trạng các tổ chức quản lý nước mặt ruộng (gọi chung là tổ chức thủy lợi cơ sở) thuộc hệ thống thủy lợi sông Nhuệ, sông Đáy (*địa phận Thành phố Hà Nội*) từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện tổ chức quản lý nước mặt ruộng là cần thiết và cấp bách nhằm phát huy được vai trò của người dùng nước, sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp điều tra, đánh giá, thảo luận có sự tham gia của các bên liên quan tại các cơ quan quản lý địa phương: cơ quan quản lý nhà nước, công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi, tổ chức TLCS, cộng đồng về triển khai thực hiện chính sách của nhà nước trong quản lý khai thác công trình thủy lợi, thủy lợi mặt ruộng tại vùng hệ thống do Công ty sông Nhuệ, sông Đáy.

Phương pháp thảo luận có sự tham gia của các bên liên quan (phối hợp tiếp cận từ dưới lên (bottom-up) và trên xuống (top-down))

Phương pháp phân tích, đánh giá, so sánh tồn tại, hạn chế của tổ chức quản lý, khai thác công

trình quản lý nước mặt ruộng.

3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NƯỚC MẶT RUỘNG HỆ THỐNG SÔNG NHUỆ, SÔNG ĐÁY

3.1. Thực trạng chính sách quản lý khai thác công trình thủy lợi

a) Chính sách phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi

Kể từ khi chính sách phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi được thực hiện theo Thông tư 65/2009/TT-BNNPTNT trước đây và nay là Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT, thành Phố Hà Nội đã ban hành nhiều quyết định liên quan đến phân cấp công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố, những chính sách này ít nhiều đã ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức TLCS của Thành Phố, cụ thể:

- Giai đoạn từ năm 2009 đến 2016: Các công trình thủy lợi độc lập (trạm bơm nhỏ, hồ chứa nhỏ hơn 500.000 m³, hoặc có chiều cao đập dưới 12 m; đập dâng có chiều cao đập dưới 10 m) được giao lại cho UBND cấp huyện, và trực tiếp quản lý, vận hành là các tổ chức TLCS (Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND).

- Giai đoạn từ năm 2017 đến 2020: Toàn bộ các công trình thủy lợi từ đầu mối đến mặt ruộng (công trình đầu mối; hệ thống kênh mương và công trình trên kênh v.v..) được bàn giao về các Công ty thủy lợi quản lý, khai thác (Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND).

- Giai đoạn từ năm 2021: Công trình thủy lợi lớn và vừa, công trình thủy lợi phục vụ cho 02 xã trở lên giao Công ty quản lý, các công trình thủy lợi nhỏ giao lại cho UBND các huyện (Tổ chức TLCS) quản lý (Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND). Đến thời điểm hiện tại, sau quá trình rà soát, hệ thống công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đã được UBND cấp huyện giao các tổ chức TLCS quản lý, khai thác gồm: 1.358 trạm bơm; 29.330 tuyến kênh, với tổng chiều dài 12.088 km; 88 hồ chứa; 289 bai,

đập dâng. Hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng phục vụ trực tiếp cho khoảng 50.000 ha/năm diện tích sản xuất nông nghiệp nằm ngoài vùng phục vụ của các công ty thủy lợi và làm nhiệm vụ dẫn nước từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ đến mặt ruộng.

b) Chính sách giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi (SP DVTL) và thủy lợi phí nội đồng

Sau khi có chính sách về thủy lợi phí theo Nghị định 115/2008/NĐ-CP, Thành phố Hà Nội ban hành nhiều văn bản liên quan đến hỗ trợ thủy lợi phí/giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi. Về cơ bản mức hỗ trợ theo quy định của nhà nước. Từ năm 2017-2020, toàn bộ nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước được giao lại cho khối Công ty quản lý, sử dụng và thực hiện quản lý, vận hành công trình đến tận mặt ruộng. Tuy nhiên, từ năm 2021, thực hiện chính sách phân cấp mới, nguồn kinh phí sẽ được cấp qua khối Công ty và qua UBND các huyện để cấp về cho các HTX thực hiện phân tạo nguồn và quản lý các công trình độc lập.

Đối với mức trần thủy lợi phí nội đồng, trước đây (theo Quyết định 36/2013/QĐ-UBND mức thu thủy lợi phí tiền nước mức trần dịch vụ thủy lợi thành phố Hà Nội và Quyết định 55/2016/QĐ-UBND về giá dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố), Thành phố quy định mức trần thủy lợi phí nội đồng là 36.000 đồng/sào/năm (1 sào = 360m²). Tuy nhiên, sau khi bàn giao lại toàn bộ các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội cho khối Công ty quản lý thì đến nay chưa có quy định nào về mức trần thủy lợi phí nội đồng.

3.2. Thực trạng tổ chức quản lý công trình thủy lợi vùng hệ thống sông Nhuệ, sông Đáy

a) Tổ chức quản lý cấp tỉnh

Mô hình tổ chức quản lý công trình thủy lợi cấp tỉnh thuộc hệ thống thủy lợi sông Nhuệ, sông Đáy được giao cho Công trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ và Công ty TNHH MTV

đầu tư phát triển sông Đáy đảm nhiệm. Các đơn vị quản lý cấp tỉnh thực hiện quản lý các công trình quy mô lớn và vừa, quy mô hành chính tỉnh, liên huyện, huyện và liên xã phục vụ cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 2 tỉnh Hà Nội và Hà Nam

Công ty TNHH MTV Sông Nhuệ được giao điều hành, dẫn nước tưới cho trên 50.000 ha canh tác và tiêu, thoát nước cho 107.530 ha lưu vực của hệ thống phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống lụt, bão và phát triển kinh tế của các địa phương trong lưu vực thuộc diện tích các huyện: Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hoàng Mai, Thường Tín, Phú Xuyên và Ứng Hòa và các huyện, thành phố của tỉnh Hà Nam (Duy Tiên, Kim Bảng, thành phố Phủ Lý).

Công ty TNHH MTV Sông Đáy được giao điều hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu cho diện tích lưu vực khoảng 70.000ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp khoảng 30.000ha của các địa phương các huyện: Thanh Oai, Hà Đông, Mỹ Đức, Đan Phượng, Hoài Đức, Chương Mỹ

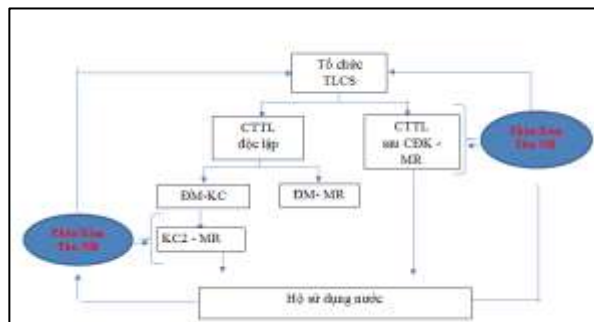
b) Tổ chức quản lý công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng

Theo số liệu điều tra, năm 2020, các tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn Thành phố Hà Nội gồm 755 tổ chức TLCS, trong đó: loại hình Hợp tác xã (HTX) chiếm 92,8%; loại hình tổ hợp tác (THT) chiếm 5,8%; loại hình UBND xã chiếm 1,4%. Riêng đối với các tổ chức TLCS thuộc vùng tưới, tiêu của Công ty sông Nhuệ là 97 HTX và vùng Công ty sông Đáy là 148 HTX.

Xét ở góc độ loại hình tổ chức quản lý, các tổ chức thủy lợi cơ sở thuộc hệ thống thủy lợi sông Nhuệ, Sông Đáy, thì đều là các loại hình Hợp tác xã, các HTX được bàn giao thực hiện quản lý công trình thủy lợi mặt ruộng từ năm 2021. Tuy nhiên, xét trên phương diện nguồn thu của các tổ chức thủy lợi cơ sở, có thể phân thành 2 loại: i) Mô hình HTX quản lý công trình độc lập và ii) HTX chỉ quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng. Cụ thể:

Loại hình 1: Mô hình HTX quản lý công trình độc lập

Loại hình này phổ biến hầu hết các xã trong vùng hệ thống. Các HTX được nhận quản lý công trình độc lập và hệ thống kênh mương sau điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi trong hệ thống của Công ty. Nhà nước hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi cho các công trình độc lập thông qua phần tạo nguồn của Công ty hoặc qua UBND huyện, tổ chức tự hạch toán và thống nhất với hộ sử dụng nước về mức kinh phí nội đồng, một số tổ chức vừa quản lý công trình độc lập, vừa quản lý công trình sau điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi và thống nhất việc chi chung hoặc tách riêng nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước và kinh phí TLND (Hình 1)



Hình 1: Sơ đồ cung cấp dịch vụ tưới/tiêu
Loại hình 1 (Hoạt động cung cấp nước tưới, nguồn kinh phí chi trả)

Có Tổ chức chịu trách nhiệm quản lý, vận hành từ đầu mố đến mặt ruộng, nhưng đa số các Tổ chức chỉ điều hành hệ thống đầu mố + kênh chính, còn các cấp kênh mặt ruộng giao lại cho Thôn/Xóm điều hành thông qua tổ thủy nông thôn (Trưởng Thôn/Xóm). Thôn/Xóm trực tiếp thu kinh phí nội đồng để trả cho tổ chức TLCS và tự chi vận hành phần mặt ruộng (Bảng 1)

Bảng 1: Kinh phí hỗ trợ Nhà nước và kinh phí TLND

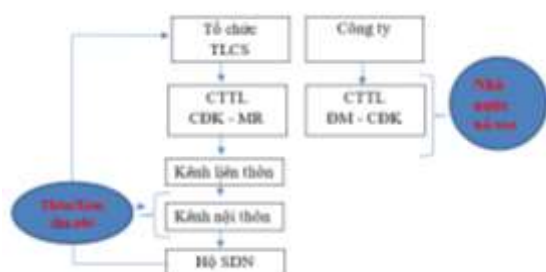
HTX	Quy mô	Số thành viên/hộ sử dụng nước	Diện tích tưới (ha)		Kinh phí Nhà nước hỗ trợ (tr.đ/năm)	Kinh phí TLND (tr.đ/ha)	Các khoản chi
			Công ty	HTX			
HTX Tân Minh/H.Thường Tín	Toàn xã	1680/1680	376 ha/vụ (Chủ động 310ha, Tạo nguồn: 66ha)	66/ vụ (Công ty tạo nguồn)	95,255	1 tr.đ/ha/năm	- Chi VH: 24% - Chi bảo trì: 76%
HTX Liên Châu/H.Thanh Oai	Toàn xã	1619/1370	418 ha/vụ	178 ha/vụ (Công ty tạo nguồn)	-	0,747 tr.đ/ha/năm 166 kg/ha/năm (giá 4.500đ/kg)	- Chi VH: 50% - Chi bảo trì: 50%

HTX Văn Phú/h. Thường Tín	Toàn xã	1909/1909	217,43ha/ vụ (Chủ động 208,82ha, Tạo nguồn: 8,61ha)	8,61 ha/vụ (Công ty tạo nguồn)	14,172	1,25tr.đ/ha/năm 10 kg/sào/năm (1 sào=360m ²)	- Chi VH: 38% - Chi bảo trì: 62%
------------------------------	---------	-----------	---	--------------------------------------	--------	--	---

Nguồn. Số liệu điều tra các tổ chức TLCS năm 2021

Loại hình 2: HTX chỉ quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng

Loại hình này phổ biến ở các xã được tưới trực tiếp từ nguồn nước của Công ty thủy nông. Loại hình này thực hiện quản lý sau điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi do UBND thành phố phân cấp (Hình 2).



Hình 2: Sơ đồ cung cấp dịch vụ tưới/tiêu
Loại hình 2 (Hoạt động cung cấp nước tưới, nguồn kinh phí chi trả)

Đối với loại hình này Nhà nước không hỗ trợ trực tiếp giá DVTL mà tổ chức quản lý phải thu kinh phí thủy lợi nội đồng để hoạt động. Loại hình chủ yếu là các HTX quản lý đa dịch vụ. (Bảng 2)

Bảng 2: Mức thu kinh phí TLNĐ ở một số địa phương

HTX	Quy mô	Kinh phí TLNĐ (tr.đ/ha/vụ)	Các khoản chi
HTX Hồng Vân/h.Thường Tín	Toàn xã	0,69 tr.đ/ha/vụ (Các thôn thu)	-Chi vận hành
HTX Ninh	Toàn xã	0,58	-Chi vận

Sở/h. Thường Tín	n Xã	tr.đ/ha/vụ (HTX thu)	hành
------------------	------	----------------------	------

Nguồn. Số liệu điều tra tổ chức TLCS năm 2021

Cả 2 loại hình trên là các mô hình HTX. Các HTX hầu hết được hình thành từ rất lâu theo mô hình HTX kiểu cũ và hầu hết mới được chuyển đổi theo mô hình Luật HTX 2012. Trước đây, các HTX hoạt động theo Luật HTX 2003, công trình được nhận lại do Nhà nước và nhân dân cùng làm nhưng không được định giá cụ thể nên tất cả các hộ sử dụng nước là xã viên HTX. Sau khi chuyển đổi theo Luật HTX 2012, tỉ lệ thành viên/hộ sử dụng nước đạt 100%. Kết quả điều tra cho thấy, các HTX ở vùng hệ thống sông Nhuệ, sông Đáy có tỷ lệ tham gia HTX là 100%. Về mặt bản chất các hộ sử dụng nước, thông qua đại diện hộ dùng nước (thường trưởng thôn) tham gia và xây dựng kế hoạch dùng nước, kế hoạch sản xuất, phương án thu phí TLNĐ.

3.3. Các tồn tại về quản lý khai thác công trình thủy lợi

Chính sách về phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi đã ảnh hưởng rất lớn đến thực trạng quản lý công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. Sau khi thành phố Hà Nội có chủ trương bàn giao toàn bộ các công trình thủy lợi về cho Công ty cấp tỉnh quản lý, do không có đủ nhân lực để quản lý đến tận mặt ruộng nên Công ty đã thuê lại các HTX/cá nhân thực hiện quản lý vận hành hệ thống thủy lợi mặt ruộng, dẫn đến công trình và phương thức quản lý bị ảnh hưởng rất lớn.

Sau khi bàn giao công trình về cho Công ty quản lý, thì quy định về thu thủy lợi phí nội đồng cũng chưa được đề cập trong các văn bản mới của

Thành phố, nhiều tổ chức khó thu được kinh phí thủy lợi phí nội đồng để hoạt động. Số kinh phí thuê lại và nguồn thu phí dịch vụ thủy lợi nội đồng không đủ để đảm bảo cho hoạt động dịch vụ thủy lợi nên phần lớn các hợp tác xã gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động. Nhiều hợp tác xã không có kinh phí chi trả lương, thù lao cho cán bộ quản lý, điều hành hợp tác xã; việc chi trả lương cho người lao động trực tiếp quản lý, vận hành công trình thủy lợi rất thấp; không đủ kinh phí để thực hiện sửa chữa, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình.

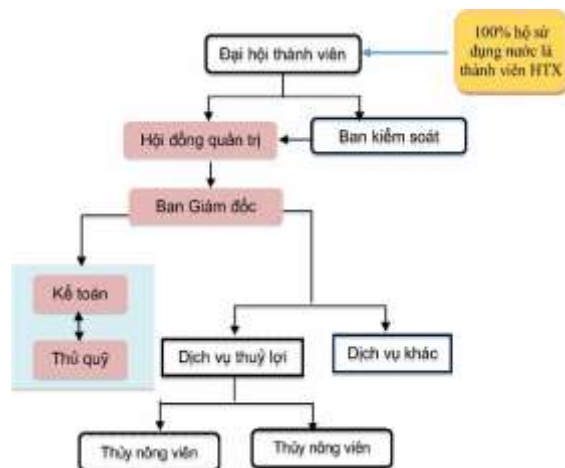
Hiện nay, Thành phố chưa xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi, phạm vi hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích của Nhà nước nên gây khó khăn cho các tổ chức TLCS trong việc thanh, quyết toán nguồn hỗ trợ của Nhà nước cũng như vận động người dân đóng góp phí thủy lợi nội đồng.

Hầu hết trình độ, năng lực của người lao động trực tiếp quản lý, vận hành công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng chưa đáp ứng quy định theo quy định. Việc quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, không được đào tạo, ít được bồi dưỡng, tập huấn.

4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC QUẢN LÝ NƯỚC MẶT RUỘNG

4.1. Hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý nước mặt ruộng

Trên cơ sở đánh giá thực trạng tổ chức quản lý nước mặt ruộng thuộc hệ thống thủy lợi sông Nhuệ, sông Đáy nhận thấy, các tổ chức quản lý trong vùng đều là các HTXNN kiểu cũ chuyển đổi sang HTXNN kiểu mới, đa phần chưa hoạt động theo yêu cầu của Luật Thủy lợi, thiếu quy chế hoạt động, năng lực quản lý vận hành hạn chế... Do đó, cần củng cố các HTXNN nhằm đảm bảo có sự tham gia của 100% hộ sử dụng nước. Đại hội thành viên sẽ quyết định các hoạt động của HTX



Hình 3: Mô hình hình HTX

Đặc điểm:

- Hoạt động theo Luật HTX 2012
- Có con dấu, tài khoản
- Có hạch toán thu-chi: Thu cấp bù, Phí ND ...
- Có điều lệ, quy chế hoạt động
- Tự thực hiện quản lý, vận hành, quy tu bảo dưỡng CTTL
- Không hạch toán lãi thành viên đối với dịch vụ công ích thủy lợi

Trường hợp Tổ chức TLCS được Nhà nước hỗ trợ trực tiếp Giá SP DV thủy lợi, bắt buộc các tổ chức củng cố theo quy định của Luật Thủy lợi. Đối với tổ chức không được nhận kinh phí hỗ trợ của Nhà nước, tùy điều kiện địa phương, khuyến nghị lựa chọn áp dụng một trong hai mô hình HTX hoặc THT cho phù hợp, tuy nhiên nếu lựa chọn mô hình HTX thì phải có nguồn thu khác từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, còn nếu chỉ có một dịch vụ tưới tiêu thì khuyến khích lựa chọn theo mô hình tổ hợp tác (THT) để bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ.

4.2. Giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng

a) Giải pháp giám sát hoạt động tưới, tiêu

Thành phố Hà Nội đã thực hiện việc phân cấp công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng cho các tổ chức TLCS quản lý. Ngoài phần các Công ty phục vụ chủ động, tạo nguồn tưới, tiêu cho các tổ chức TLCS thì các tổ chức TLCS cũng trực tiếp quản lý, vận hành các công trình thủy lợi độc lập. Các tổ chức TLCS sẽ được nhận nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước qua Công ty và qua UBND huyện. Để nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo

kiểm soát được chất lượng nước, cũng như việc sử dụng hiệu quả kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, cần xây dựng chỉ tiêu giám sát hoạt động tưới, tiêu. Chủ quản lý công trình xây dựng các chỉ tiêu giám sát chất lượng dịch vụ tưới tiêu đưa vào nội dung của hợp đồng cung cấp dịch vụ. Việc giám sát này được thực hiện giữa đơn vị cung cấp dịch vụ và đơn vị sử dụng dịch vụ (Công ty và Tổ chức TLCS; Tổ chức TLCS và người sử dụng nước). Sau mỗi đợt tưới, cuối mỗi vụ sản xuất, bên cung cấp dịch vụ tổ chức họp với bên sử dụng dịch vụ, căn cứ chỉ tiêu chất lượng, đánh giá khối lượng, chất lượng sản phẩm. Một số chỉ tiêu về chất lượng dịch vụ có thể như sau:

- Diện tích được tưới từng đợt, cuối vụ (ha)
- Mức tưới cho các loại cây trồng, cả vụ và từng đợt theo các giai đoạn sinh trưởng của cây trồng (m^3/ha hoặc mm lớp nước trên ruộng)
- Số đợt tưới, thời gian tưới mỗi đợt
- Chất lượng nước (nếu có)
- Mức nước tại điểm giao nhận

Để có được các thông số này các đơn vị quản lý thủy nông cần xây dựng kế hoạch tưới/tiêu, lập sơ quản lý vận hành cho từng công trình một cách chi tiết, phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các cán bộ thủy nông trực tiếp vận hành công trình, theo dõi giám sát, quản lý vận hành, phát hiện hư hỏng, ô nhiễm nước, sự cố về kỹ thuật, duy tu bảo dưỡng công trình. Các sự cố, hư hỏng, ô nhiễm nguồn nước cần có sự tham gia của đại diện nông dân sử dụng nước và được lập thành biên bản để giải trình khi thực hiện thanh lý

b) Giải pháp cơ chế chính sách đối với nguồn hỗ trợ Nhà nước và đóng góp của thành viên thủy lợi cơ sở

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ quản lý tổng hợp và thống nhất tài nguyên nước; chủ động tham gia và thực hiện các cơ chế, chính sách kiểm soát ô nhiễm nguồn nước liên tỉnh, liên vùng, mặt ruộng.

Hiện nay các tổ chức TLCS mới được nhận lại công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng để quản lý, vận hành, khai thác. Các tổ chức TLCS sẽ được nhận kinh phí hỗ trợ của Nhà nước cho việc quản lý các công trình thủy lợi nhỏ. Do đó, thành phố cần quy định rõ phạm vi hỗ trợ của

Nhà nước, các hạng mục chi để các tổ chức TLCS để áp dụng và giải trình với thành viên về phạm hỗ trợ của Nhà nước.

Việc chia sẻ gánh vác cho phát triển thủy lợi được thể hiện qua sự đóng góp của nông dân cho xây dựng, quản lý công trình thủy lợi từ xa xưa. Đến nay mỗi quan hệ cùng đóng góp đó vẫn tồn tại một cách tương đối ổn định và chặt chẽ. Tuy nhiên, từ khi thực hiện chính sách thủy lợi phí và đặc biệt sau khi thành phố Hà Nội giao toàn bộ các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng về cho Công ty quản lý, thì nhiều nơi, người nông dân hiểu là được miễn tất cả các khoản đóng góp. Do đó, nhiều tổ chức TLCS khó thu được thủy lợi phí nội đồng, dẫn đến hoạt động khó khăn. Do vậy, cần căn cứ vào Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn Luật để ban hành mức phí thủy lợi nội đồng phù hợp hoặc theo thỏa thuận, thống nhất giữa tổ chức TLCS và người sử dụng nước.

Các Tổ chức TLCS cần được củng cố, hoàn thiện theo tinh thần của Luật Thủy lợi. Các tổ chức TLCS cần xây dựng và thực hiện kế hoạch tưới/tiêu, kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa công trình, bảo vệ công trình, giám sát, quản lý ô nhiễm nước.

Các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng mới được bàn giao lại cho tổ chức TLCS nên hầu hết trình độ, năng lực của người lao động trực tiếp quản lý, vận hành công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng chưa đáp ứng quy định theo quy định. Do đó, cần xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý, vận hành của tổ chức TLCS.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thực trạng công tác quản lý công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng vùng hệ thống sông Nhuệ, sông Đáy cho thấy cơ bản chỉ có một mô hình tổ chức quản lý là các Hợp tác xã nông nghiệp. Tuy nhiên, xét trên phương diện nguồn hỗ trợ của Nhà nước cho hoạt động quản lý vận hành thì được phân thành 2 loại hình: i) Mô hình HTX quản lý công trình độc lập và ii) HTX chỉ quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng.

Thực trạng công tác quản lý công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng tại vùng sông Nhuệ, sông Đáy cho thấy, chính sách của thành phố Hà nội có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, đặc biệt từ sau khi toàn bộ các công trình giao về cho các Công ty quản lý. Trong khi nhiều tổ chức hoạt động được nhờ vào các khoản dịch vụ khác hoặc thu được phí thủy lợi nội đồng để hoạt động, thì nhiều tổ chức hoạt động không hiệu quả do

khó thu đủ phí thủy lợi nội đồng, công trình thường xuyên hư hỏng.

Việc củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở đáp ứng tiêu chí của Luật thủy lợi cần được thực hiện đồng bộ, có lộ trình nhằm nâng cao năng lực, nhận thức của các hộ sử dụng nước. Trường hợp Tổ chức TLCS được Nhà nước hỗ trợ trực tiếp Giá SP DV thủy lợi, bắt buộc các tổ chức củng cố theo quy định của Luật Thủy lợi. Đối với tổ chức không được nhận kinh phí hỗ trợ của Nhà nước, tùy điều kiện địa phương, khuyến nghị lựa chọn áp dụng một trong hai mô hình HTX hoặc THT cho phù hợp.

Ngoài ra, thành phố cần Ban hành các văn bản, hướng dẫn về phạm vi hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi, phí thủy lợi nội đồng và cần có kế hoạch, lộ trình đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ quản lý, vận hành của tổ chức TLCS nhằm đáp ứng yêu cầu của Nhà nước cũng như thực tiễn quản lý, vận hành hệ thống TLN, TLND.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Thủy lợi, số 08/2017/QH14 và các văn bản dưới Luật
- [2] Luật Hợp tác xã, số 23/2012/QH13
- [3] Báo cáo kết quả điều tra của đề tài “Đề xuất giải pháp khoa học công nghệ và quản lý cải thiện chất lượng nước tưới mặt ruộng trong công trình thủy lợi thuộc lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy”